

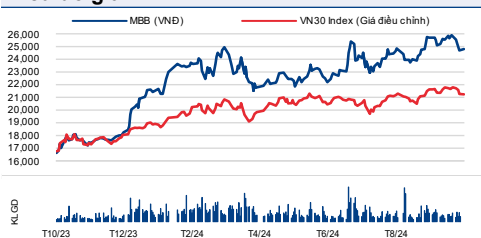
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ29,500
Tiềm năng tăng/giảm: 19.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/10/2024)	24,800
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,633-25,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,717
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	131,597
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,192
Sig CP lưu hành (tr.đv)	5,306
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,274
Sig CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.1%
Cổ đông lớn	Viettel (19.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	945	1,093	1,348
Dư nợ cho vay (ntđ)	613	744	897
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	47.3	54.7	69.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	20.7	22.6	25.4
BVPS (đồng)	17,787	21,018	24,868
EPS (đồng)	3,670	3,982	4,426
DPS (đồng)	435	503	575
T.trưởng cho vay KH (%)	32.8	21.4	20.6
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	3.76	15.6	26.4
Tăng trưởng EPS (%)	18.3	8.52	11.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	15.6	14.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.8	12.6	13.0
ROAE (%)	24.5	22.2	20.9
ROAA (%)	2.47	2.22	2.08
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.37	4.86
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	30.2	32.0
Hệ số CAR (%)	10.8	11.0	10.6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	1.70	1.60
LLR/nợ xấu (%)	118	91.0	89.2
Hệ số LDR (%)	108	107	104
P/B (lần)	1.39	1.18	1.00
P/E (lần)	6.76	6.23	5.60
Lợi suất cổ tức (%)	1.75	2.03	2.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2024: LNTT đi ngang, NIM thu hẹp & nợ xấu tăng

- LNTT Q3/2024 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, LNTT 9 tháng đạt 20,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,6% và bằng 71,9% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả này thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi và kế hoạch năm 2024 của BLĐ (LNTT tăng trưởng 8%).
- Tăng trưởng tín dụng đạt 13,3%, vượt dự báo của chúng tôi, nhưng tổng thu nhập hoạt động khiêm tốn do tỷ lệ NIM giảm 34 điểm cơ bản so với quý trước & lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 18% so với cùng kỳ.
- Chất lượng tài sản suy giảm nhiều hơn dự kiến với tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh lên 2,2%, từ đó làm gia tăng lo ngại về chất lượng tài sản và triển vọng lợi nhuận tương lai.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD vào ngày 28/10/2024

LNTT Q3/2024 của MBB đạt 7,3 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 20,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ và bằng 71,9% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù kết quả này thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi và kế hoạch năm 2024 của BLĐ (LNTT tăng trưởng khoảng 8%), tăng trưởng tín dụng đã vượt dự báo. Tuy nhiên, tổng thu nhập hoạt động và chất lượng tài sản không đạt kỳ vọng.

Tăng trưởng tín dụng đạt 13,3% kể từ đầu năm

Tăng trưởng tín dụng hợp nhất kể từ đầu năm đạt 13,3%, tăng từ 9,3% trong Q2, cao hơn đáng kể so với ngành (7,4%). Theo phân khúc khách hàng, tín dụng khách hàng cá nhân tăng 9,1% kể từ đầu năm trong khi tín dụng khách hàng doanh nghiệp tăng 16,2% kể từ đầu năm. Trong Q3/2024, phân khúc khách hàng cá nhân, cùng với ngành ngành bán buôn & bán lẻ và cho vay doanh nghiệp BĐS, là những động lực tăng trưởng chính, mỗi phân khúc đóng góp khoảng 10 nghìn tỷ đồng. Tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá chỉ tăng 7,7% kể từ đầu năm, chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, MBB

LNTT 9 tháng đầu năm 2024 bằng 72% dự báo cả năm của HSC

	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	9,812	10,417	6.2%	29,520	30,010	1.7%	69.2%
Thu nhập ngoài lãi	2,253	2,287	1.5%	6,035	8,840	46.5%	77.8%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,079	888	-17.7%	2,630	3,188	21.2%	65.1%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	224	661	194.3%	920	1,516	64.7%	95.1%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	367	54	-85.4%	770	2,029	163.5%	80.4%
Thu nhập khác	571	678	18.8%	1,667	2,078	24.7%	90.4%
Thu nhập từ góp vốn/mua cổ phần	13	7	-44.5%	49	30	-38.4%	67.6%
Tổng thu nhập HĐ	12,065	12,704	5.3%	35,556	38,850	9.3%	71.0%
Chi phí HĐ	3,334	3,756	12.7%	11,037	11,761	6.6%	71.3%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	8,731	8,948	2.5%	24,519	27,089	10.5%	70.9%
Dự phòng	1,447	1,640	13.3%	4,500	6,353	41.2%	67.8%
LNTT	7,284	7,308	0.3%	20,019	20,736	3.6%	71.9%
Lợi nhuận thuần	5,773	5,790	0.3%	15,690	16,349	4.2%	72.2%

Nguồn: MBB, HSC

Tổng thu nhập hoạt động thấp hơn dự báo

Tỷ lệ NIM giảm 34 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 78 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 4,2%, từ đó làm thu nhập lãi thuần hồi phục chậm hơn dự báo. Trong Q3/2024, thu nhập lãi thuần chỉ tăng 6,2% so với cùng kỳ mặc dù nền tín dụng tăng gần 27% so với cùng kỳ. Tỷ lệ NIM sụt giảm so với quý trước do lợi suất gộp giảm 30 điểm cơ bản trong khi chi phí huy động tăng 4 điểm cơ bản. Điều này là do nhu cầu tín dụng thấp và cạnh tranh cao trên thị trường. Ngoài ra, lãi thuần HĐ dịch vụ không đạt dự báo của chúng tôi, giảm 17,7% so với cùng kỳ và giảm 34,4% so với quý trước do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp.

Tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh lên 2,2%

Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất Q3/2024 tăng mạnh lên 2,2% từ 1,6% trong Q2/2024, trong khi tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng mẹ tăng từ 1,4% lên 2,1%, cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi ở mức 1,7%. Nợ xấu tăng ở tất cả các nhóm nợ (3-5), điều này cho thấy nợ xấu gia tăng đến từ nhiều khách hàng thay vì chỉ là một khách hàng lớn. Theo Ngân hàng, nợ liên đới CIC chiếm khoảng 15% tổng nợ xấu của Ngân hàng mẹ trong Q3/2024. Ngoài ra, bảng CĐKT của MBB vẫn sạch với lãi dự thu và tài sản khác thấp.

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh, chi phí dự phòng không tăng như chúng tôi dự báo. Trong Q3/2024, chi phí dự phòng chỉ tăng 13,3% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng 9 tháng chỉ bằng 67,7% dự báo cả năm của chúng tôi. Từ đó, hệ số LLR giảm từ 102% trong Q2/2024 xuống 69% trong Q3, từ đó làm gia tăng rủi ro chi phí dự phòng tăng lên trong thời gian tới để xử lý nợ xấu gia tăng.

Chi phí hoạt động thắt chặt đúng như dự báo

MBB duy trì hệ số CIR dưới mức 30% trong quý, sát với dự báo của chúng tôi và thấp hơn một chút so với năm 2023 (31,5%). Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí hoạt động (chi phí hoạt động/tổng dư nợ tín dụng) trong Q3 chỉ là 2,1%, mức thấp nhất trong 5 năm qua và thấp hơn đáng kể so với năm 2023 (2,6%), điều này cho thấy Ngân hàng đã cắt giảm chi phí đáng kể. HSC kỳ vọng MBB tiếp tục thắt chặt chi phí hoạt động trong quý tới, đặc biệt là trong giai đoạn tổng thu nhập hoạt động kém tích cực và tỷ lệ nợ xấu cao.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Mặc dù tỷ lệ NIM suy giảm và tỷ lệ nợ xấu cao trong Q3, HSC cho rằng MBB vẫn có thể hoàn thành dự báo cả năm của chúng tôi và kế hoạch LNTT năm 2024 của BLĐ thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí dự phòng và chi phí hoạt động trong Q4/2024. Tuy nhiên, những biện pháp này sẽ đánh đổi bằng tỷ lệ nợ xấu nội bảng tăng cao và có khả năng phải hi sinh lợi nhuận tương lai do việc trì hoãn trích lập dự phòng.

MBB đang giao dịch với P/B và P/E dự phóng năm 2025 lần lượt là 1 lần và 5,6 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,06 lần và 6,5 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	52.5	69.1	70.9	93.0	115
Chi phí lãi	(16.5)	(30.5)	(27.6)	(35.2)	(45.6)
Thu nhập lãi thuần	36.0	38.7	43.3	57.8	69.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.14	4.09	4.90	5.49	6.57
Lãi thuần HĐ KDNH	1.70	1.21	1.59	1.80	2.15
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.46	0.84	2.52	1.57	1.99
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.13	0.06	0.04	0.06	0.06
Thu nhập khác	2.14	2.43	2.30	2.41	3.16
Tổng thu nhập HĐ	45.6	47.3	54.7	69.1	83.3
Chi phí HĐ	(14.8)	(14.9)	(16.5)	(22.1)	(26.5)
LN trước dự phòng	30.8	32.4	38.2	47.0	56.9
Chi phí dự phòng	(8.05)	(6.09)	(9.37)	(14.6)	(17.3)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	22.7	26.3	28.8	32.4	39.6
Chi phí thuế TNDN	(4.57)	(5.25)	(5.78)	(6.49)	(7.93)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.67)	(0.38)	(0.40)	(0.57)	(0.70)
Lợi nhuận thuần	17.5	20.7	22.6	25.4	31.0
EPS (đồng)	3,103	3,670	3,982	4,426	5,406
DPS (đồng)	0	435	503	575	661
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,214	5,214	5,260	5,306	5,306
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,214	5,214	5,306	5,306	5,306
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,214	5,214	5,306	5,306	5,306

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.74	3.68	4.02	5.10	6.21
Tiền gửi tại NHNN	39.7	66.3	24.3	43.3	52.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	32.9	46.3	91.0	110	146
Chứng khoán kinh doanh	4.11	44.3	12.4	14.4	17.1
Các công cụ tài chính phái sinh	0.07	0.14	0	0	0
Số dư cho vay thuần	450	601	732	884	1,066
Tổng dư nợ cho vay	462	613	744	897	1,081
Dự phòng rủi ro	(12.0)	(11.5)	(11.5)	(12.8)	(14.5)
Chứng khoán đầu tư	160	148	193	246	293
CK đầu tư sẵn sàng để bán	155	143	185	238	282
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.48	5.39	8.24	9.15	10.9
Dự phòng rủi ro	(0.40)	(0.48)	(0.53)	(0.52)	(0.55)
Đầu tư dài hạn	0.63	0.62	0.58	0.58	0.58
Tài sản cố định	5.31	5.09	5.18	5.34	5.50
Tài sản khác	32.9	29.2	30.4	38.0	46.0
Tổng tài sản	729	945	1,093	1,348	1,633
Nợ phải trả	649	848	978	1,211	1,470
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.01	7.40	0.07	0.07
Tiền gửi của các TCTD khác	65.1	99.8	106	121	145
Tổng tiền gửi KH	444	568	694	867	1,056
Trái phiếu và CCTG	96.6	126	111	153	186
Nợ khác	41.6	51.6	54.7	65.4	78.2
Vốn chủ sở hữu	75.9	92.7	112	132	157
Vốn điều lệ	45.3	52.1	61.0	70.2	80.7
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	0.87	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	19.1	25.6	31.9	39.8	50.6
Quỹ & vốn khác của CSH	10.7	14.2	17.3	20.7	24.5
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.66	3.97	4.30	4.87	5.57
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	729	945	1,093	1,348	1,633
BVPS (đồng)	14,567	17,787	21,018	24,868	29,613

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.0	29.7	15.7	23.3	21.2
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.0	32.8	21.4	20.6	20.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.3	27.9	22.2	25.0	21.9
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	19.6	28.5	16.0	26.7	21.9
Tăng trưởng VCSH (%)	27.5	22.1	20.3	18.3	19.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.5	7.39	12.0	33.3	20.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	19.7	0.66	10.6	34.0	19.7
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	25.3	5.25	17.9	23.1	21.0
Tăng trưởng LNTT (%)	37.5	15.7	9.59	12.5	22.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	37.7	18.3	9.52	12.1	22.1

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	6.83	5.65	5.37	5.66	5.59
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.22)	(1.78)	(1.62)	(1.81)	(1.77)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.3	96.6	97.3	97.4	97.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.83	2.90	3.30	4.11	4.88
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	58.5	69.2	75.7	84.9	104

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.99	6.76	6.23	5.60	4.59
P/B (lần)	1.70	1.39	1.18	1.00	0.84
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.75	2.03	2.32	2.67

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.3	43.7	41.4	36.7	37.2
ROAA (%)	2.62	2.47	2.22	2.08	2.08
ROAE (%)	25.8	24.5	22.2	20.9	21.5
Chi phí huy động BQ (%)	2.95	4.35	3.22	3.41	3.60
Lợi suất góp BQ (%)	8.25	8.56	7.15	7.82	7.92
Lợi suất thuần (%)	5.30	4.20	3.93	4.41	4.32
Tỷ lệ NIM (%)	5.66	4.79	4.37	4.86	4.78
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.07	8.64	8.95	7.94	7.88
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.0	81.8	79.2	83.6	83.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	21.0	18.2	20.8	16.4	16.7
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	31.5	30.2	32.0	31.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	11.8	12.6	13.0	12.2

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.5	10.8	11.0	10.6	10.4
VCSH/Tổng TS (%)	10.4	9.81	10.2	9.79	9.62
Đòn bẩy vốn (lần)	9.59	10.2	9.80	10.2	10.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.09	1.60	1.70	1.60	1.40
Hệ số LLR (%)	238	118	91.0	89.2	96.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	108	107	104	102
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	10.8	12.6	11.7	10.6	10.5
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	63.4	64.9	68.0	66.6	66.2

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	299	299	299	299
Số lượng nhân viên	16,136	16,324	16,568	16,816	17,068

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn